

QUYẾT ĐỊNH

Quy định giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số
43/2024/QH15;*

Căn cứ Luật Nhà ở số 27/2023/QH15;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của
Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02
cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết hồ sơ, trình tự, thủ tục
đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở
và tài sản khác gắn liền với đất;*

*Căn cứ Thông tư 23/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ
trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền
quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định giấy tờ khác về quyền sử
dụng đất có trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long để phục vụ công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 137 Luật Đất đai số 31/2024/QH15.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long lập thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan trong việc giải quyết thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 3. Các giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15 tháng 10 năm 1993

1. Một trong các giấy tờ được lập theo Chỉ thị số 299/TTg ngày 10 tháng 11 năm 1980 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký ruộng đất trong cả nước mà có tên người sử dụng đất (trừ những trường hợp người sử dụng đất đã có tên trong Sổ đăng ký ruộng đất theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 137 Luật Đất đai số 31/2024/QH15) bao gồm:

- a) Trích sao Sổ mục kê ruộng đất;
- b) Trích sao Biên bản của Hội đồng xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xác định người có tên trên Đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;
- c) Trích sao Danh sách các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (trước đây) (*gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã*) hoặc Hội đồng xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp xã lập.

2. Biên lai thu tiền lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1991 đến trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

3. Một trong các giấy tờ được lập trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 theo Chỉ thị số 03/CT.UBT ngày 13 tháng 02 năm 1990 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cửu Long về việc tổ chức thực hiện Chương trình đất mà có tên người sử dụng đất gồm:

- a) Trích sao Sổ mục kê; Sổ dã ngoại;
- b) Trích sao Biên bản xét duyệt của Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xác định người đang sử dụng đất là hợp pháp (hoặc đất đủ điều kiện “xét cấp”);
- c) Bản sao Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đã có ý kiến của Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xác định người đang sử dụng đất là hợp pháp (hoặc đất đủ điều kiện “xét cấp”).

4. Giấy tờ của cơ quan nhà nước, tổ chức được Nhà nước giao quản lý, bố trí hoặc cho mượn đất làm nhà ở hoặc tạm cho sử dụng đất làm nhà ở lập sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 và trước ngày 15 tháng 10 năm 1993, nay được Ủy ban nhân dân xã, phường xác nhận đã sử dụng đất ổn định, không tranh chấp bao gồm: thời điểm bắt đầu sử dụng đất; hiện trạng sử dụng đất; hồ sơ quản lý đất đai qua các thời kỳ; tình trạng tranh chấp, khiếu nại về đất đai và các tài liệu liên quan khác.

5. Giấy tờ về tặng cho, thừa kế, chuyển nhượng mua bán nhà, đất lập trước ngày 15 tháng 10 năm 1993, nay được Ủy ban nhân dân cấp xác nhận đã sử dụng đất ổn định, không tranh chấp bao gồm: thời điểm bắt đầu sử dụng đất; hiện trạng sử dụng đất; hồ sơ quản lý đất đai qua các thời kỳ; tình trạng tranh chấp, khiếu nại về đất đai và các tài liệu liên quan khác.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện Quyết định này; theo dõi, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định.

2. Thuế tỉnh Vĩnh Long có trách nhiệm chỉ đạo các Thuế cơ sở chủ động phối hợp với Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị các xã, phường xác định nghĩa vụ tài chính khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân theo đúng quy định.

3. Các Sở, Ban, ngành tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ của ngành, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quyết định này.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện, tuyên truyền, phổ biến Quyết định này theo thẩm quyền và kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc phát sinh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 22 tháng 8 năm 2026.

2. Quyết định này bãi bỏ các Quyết định sau:

a) Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh quy định giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

b) Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long quy định Giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 của hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long theo điểm n khoản 1 Điều 137 Luật Đất đai năm 2024;

c) Quyết định số 46/2024/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre quy định Giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tư pháp; Thuế tỉnh Vĩnh Long, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như khoản 3 Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB&TCTHPL);
- TT TƯ; TT HĐND tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm thông tin điều hành (để đăng công báo)
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Các phòng, ban, trung tâm thuộc VP;
- Lưu: VT, 50. KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quỳnh Thiện